

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HẢI CHÂU
TP. ĐÀ NẴNG**

Bản án 67 /2017/HSST
Ngày 22/8/2017

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HẢI CHÂU THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Lê Thị Thu Ba**

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. ông **Lê Phú Cường**

2. ông **Huỳnh Tiến**

- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: ông **Nguyễn Đức Hoàng** – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa: Bà **Đinh Thị Luyến** - Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng.

Ngày 22 tháng 8 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 59/2017/HSST ngày 01/8/2017 đối với bị cáo:

Nguyễn Đình T tên gọi khác Bin - sinh ngày 18/8/1992 tại Đà Nẵng - Nơi ĐKKHKT: Tổ 31 phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng – Chỗ ở hiện nay: Số 216 đường L, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng - Nghề nghiệp: Kiến trú sư - Trình độ văn hóa: 12/12 - Con ông Nguyễn Đình Đ và bà Trần Thị T – Gia đình có 03 người con, bị cáo là con thứ hai.

Tiền án, tiền sự: Chưa

Bị cáo hiện đang tại ngoại. Có mặt tại phiên tòa.

** Người bị hại:*

Bà **Dương Thị Bích H** - Sinh ngày: 1988 - Địa chỉ: Số 33 đường C, phường M, quận S, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:*

Chị **Đặng Thị Kim L** – Sinh năm: 1995 – Địa chỉ: Tổ 20 phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

** Người làm chứng:*

1/ Ông **Nguyễn Đình Đ** – Sinh năm: 1964 – Địa chỉ: Số 216 đường L, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng. Có mặt.

2/ Anh **Huỳnh Trần Anh D** - Sinh năm: 1997 – Địa chỉ: Tổ 98 phường A, quận T, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không lý do.

3/ Anh **Nguyễn Đình T** - Sinh năm: 1997 – Địa chỉ: Số 216 đường L, phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

4/ Anh **Nguyễn Đức N** - Sinh năm: 1991 – Địa chỉ: Số K634 H71/38 đường T, thành phố Đà Nẵng. Có đơn xin xét xử vắng mặt.

5/ Anh **Lê Quốc Hùng D** – Sinh năm: 1981 – Địa chỉ: Tổ 21 phường K, quận C, thành phố Đà Nẵng. Vắng mặt không lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Ngày 26/01/2017 Nguyễn Đình T nghe cha mẹ cãi nhau về khoản tiền tiết kiệm của gia đình bị thâm hụt. T nghi ngờ cha là ông Nguyễn Đình Đ có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác nên lục tìm trong điện thoại của ông Đ phát hiện số điện thoại 01222639167 thường xuyên liên lạc với cha mình. Trong ngày T gọi vào số máy này nhiều lần nhưng chị H không trả lời. Đến khoảng 9 giờ cùng ngày Vũ Quốc Hg nhờ T chở đi mua sắm tết, trên đường đi Hg và T vào quán cà phê tại ngã tư Núi Thành và Duy Tân uống cà phê. Tại đây T nhận được cuộc gọi của chị H từ số điện thoại 01222639167, T và chị H hẹn gặp nhau tại quán chay số 32 đường Thái Phiên, thành phố Đà Nẵng. T nói Hg chở đến quán 32 đường Thái Phiên để giải quyết việc riêng, rồi đi mua đồ. Trên đường đi T gọi điện cho em trai là Nguyễn Đình Tr đến 32 Thái Phiên nhưng không nói mục đích đến để làm gì. Khi đến quán 32 thấy đông khách, T đề nghị chị H sang quán trà sữa Mộc số 30 đường Thái Phiên, thành phố Đà Nẵng. Tại quán Mộc Hg ngồi bàn riêng, T và chị H ngồi bàn riêng, T hỏi chị H có quan hệ như thế nào với ông Nguyễn Đình Đ là cha T, chị H không nói gì. T quát lớn thì chị H nói có quan hệ yêu đương với ông Đ nhưng đã cắt đứt từ lâu, biết chị H nói dối, T tức giận giật chiếc điện thoại của chị H ném xuống nền nhà thì Tr bước vào. T không cho Tr biết chuyện nhưng nói Tr đưa chị H về nhà làm rõ mọi chuyện, còn T chở Hg về nhà Hg. Khi Tr về nhà thì T cũng đến nơi, lúc này trong nhà T có bà Trần Thị Tp, T hỏi bà Tp có biết chị H không, bà Tp trả lời không biết. T đẩy bà Tp ra ngoài chốt cửa lại không cho bà Tp vào. T gọi điện nói ông Đ về, khi gặp ông Đ chị H thừa nhận có quan hệ với cha mình nên T tức giận định đánh chị H thì ông Đ và Tr can ngăn, T bắt chị H phải quỳ lạy xin lỗi vì đã làm tan vỡ hạnh phúc gia đình mình. Sợ T có hành động quá khích bà Tp gọi điện cho con rể là Nguyễn Đức Ng đến để can ngăn. Anh Ng đến thấy

T hung hăng vô lễ đã dùng tay đánh T và khuyên can T. Khoảng 22 giờ 45 cùng ngày, trước khi chị H về T hỏi một số thông tin cá nhân, chị H không nói tên thật mà nói tên là Linh Đ, sinh năm 1992, nghề nghiệp môi giới bất động sản. Sau đó T gọi taxi đưa chị H về, hẹn sáng mai đem xe trả. T đến lại quán Mộc lấy xe chị H gửi vào bãi xe của bệnh viện đa khoa Đà Nẵng. Sáng ngày 27/11/2017 T đến khu vực chị H chỉ nhà để tìm chị H nhưng không tìm được. Khoảng 10 giờ cùng ngày nghe anh Ng nói chị H đang ở nhà T, cho rằng chị H luôn tìm cách nói láo nên khi về nhà T hỏi lại tên tuổi thì chị H mới nói thật là Dương Thị Bích H, T không tin nên yêu cầu chị H đưa giấy tờ tùy thân, chị H nói không mang theo. Sau đó chị H nhờ anh Ng chở về bệnh viện để lấy xe. Khi anh Ng chở chị H đi được một đoạn, T lấy xe máy đuổi theo, thấy vậy bà Tp nói Tr chạy theo nếu T có gì sai trái thì can ngăn. T yêu cầu anh Ng chở chị H ra bãi biển để T nói chuyện với chị H, anh Ng chở chị H đến đường Võ Nguyên Giáp đoạn trước khách sạn SH thì dừng lại, Tr và anh Ng đứng trên đường, T đưa chị H ra phía bãi biển. T hỏi trong quá trình hai người có quan hệ yêu đương chị H đã nhận của ông Đ bao nhiêu tiền, chị H không nói T kéo chị H ra chỗ nước biển đe dọa chị H nếu không nói đúng số tiền thì sẽ dìm chết chị H. Do chị H chưa nói rõ số tiền, T tiếp tục yêu cầu anh Ng chở chị H lên núi Sơn Trà. Tại đây T tiếp tục tra xét và đe dọa chị H nói ra số tiền đã nhận từ ông Đ nếu không T sẽ đẩy chị H xuống núi, do sợ hãi chị H nói đã nhận từ ông Đ số tiền là 61.000.000đ (Sáu mươi một triệu đồng y). T nhặt một mẫu giấy ghi nội dung: “ Ngày 11/02/2017 địa điểm 19 Chu Văn An, thời gian 8 giờ”, T buộc chị H đứng địa điểm ngày giờ phải giao trả cho T đủ số tiền trên nếu không sẽ công khai cho gia đình người thân và bạn bè chị biết về mối quan hệ bất chính của chị H với cha T. Sau đó T nói anh Ng chở chị H đến bệnh viện Đà Nẵng để lấy xe và trả điện thoại cho chị H. Những ngày sau đó T nhắn tin, điện thoại buộc chị H phải giao tiền đúng hẹn. Khoảng 8 giờ ngày 11/02/2017 chị H đến địa chỉ 19 Chu Văn An để gặp T giao tiền, tại đây khi T vừa nhận tiền thì bị cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố Đà Nẵng phát hiện bắt quả tang.

Chị H đã giao nộp cho Công an thành phố Đà Nẵng 02 đĩa CD do chị H ghi âm toàn bộ nội dung các cuộc điện thoại mà T gọi để đe dọa chị H. Sau khi nhận hồ sơ để điều tra theo thẩm quyền Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an quận Hải Châu đã trưng cầu giám định số 295/GĐ-HS ngày 25/5/2017 của Phòng kỹ thuật Công an thành phố Đà Nẵng nội dung hoàn toàn phù hợp với lời khai của chị Dương Thị Bích H và Nguyễn Đình T.

Qua điều tra T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như trên.

Tang vật thu giữ được:

- 02 (Hai) đĩa CD màu trắng, nhón hiệu Melody
- 01 mẫu giấy có chữ viết tay với nội dung: “ ngày 11.02.2017, địa điểm 19 Chu Văn An thời gian 08 giờ”.

- 01 điện thoại Iphone màu đen, số Imei 359306064703273 gắn sim số 01699289898.

- 01 điện thoại Nokia 1280, vỏ nhựa không màu, số Imei 351672055822747 gắn sim số 0934777897.

- 01 xe mô tô hiệu Yamaha mio classico màu trắng BKS 43 C1 – 208.25 đã trả lại cho chị Đặng Thị Kim L.

Về trách nhiệm dân sự: Chị Dương Thị Bích H đã nhận lại số tiền 61.000.000đ, không yêu cầu gì thêm và có đơn xin giảm nhẹ hình phạt cho Trần Đình T.

Qua quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi cưỡng đoạt số tiền 61.000.000đ của chị Dương Thị Bích H tại địa chỉ số 19 Chu Văn An, thành phố Đà Nẵng.

Bản cáo trạng số 55/CT - VKS ngày 31/7/2017 của VKSND quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng truy tố bị cáo Trần Đình T về tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo điểm d khoản 2 điều 135 Bộ luật hình sự.

Kiểm sát viên giữ quyền công tố tại phiên tòa vẫn giữ nguyên nội dung bản cáo trạng và căn cứ nhân thân, tính chất mức độ hành vi phạm tội của bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Trần Đình T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản”

Áp dụng điểm d khoản 2 điều 135, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47, Điều 60 Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo Trần Đình T từ 15 đến 18 tháng tù nhưng cho hưởng án treo về tội “Cưỡng đoạt tài sản”, thời gian thử thách từ 30 đến 36 tháng.

Xử lý tang vật: Áp dụng điều 41 Bộ luật hình sự và 76 Bộ luật tố tụng hình sự tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại Iphone màu đen, số Imei 359306064703273 gắn sim số 01699289898 và 01 điện thoại Nokia 1280, vỏ nhựa không màu, số Imei 351672055822747 gắn sim số 0934777897.

Đối với 02 (Hai) đĩa CD màu trắng, nhãn hiệu Melody và 01 mẫu giấy có chữ viết tay với nội dung: “ ngày 11.02.2017, địa điểm 19 Chu Văn An thời gian 08 giờ” hiện đang lưu trữ tại hồ sơ vụ án.

Phần bồi thường dân sự: Bị hại đó nhận lại tiền, không yêu cầu bồi thường gì khác nên không xem xét.

Bị cáo nói lời nói sau cùng: Bị cáo đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của bị cáo, bị cáo xin HĐXX xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo cơ hội sửa chữa lỗi lầm trở thành công dân tốt cho xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận thấy như sau:

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, những người tham gia tố tụng không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

Về hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy : Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay bị cáo Nguyễn Đình T đó khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội là cưỡng đoạt số tiền 61.000.000đ của chị Dương Thị Bích H . Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác mà cơ quan Điều tra đó thu thập có trong hồ sơ vụ án cũng như quá trình tranh luận tại phiên tòa. Do đó HĐXX có đủ cơ sở kết luận bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội “Cưỡng đoạt tài sản” theo quy định tại điểm d khoản 2 điều 135 Bộ luật hình sự như Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân quận Hải Châu, thành phố Đà Nẵng đó truy tố là có cơ sở đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

Xét tính chất, mức độ nguy hiểm hành vi phạm tội của bị cáo thì thấy: Vì bức xúc trước việc mối quan hệ giữa ông Nguyễn Đình Đ và chị Dương Thị Bích H và nghi ngờ chị H có nhận tiền từ ông Đ nên trong khoảng thời gian từ 27/01/2017 đến 11/02/2017 bị cáo liên tục có hành vi đe dọa chị H phải trả lại số tiền là 61.000.000đ (Sáu mươi một triệu đồng). Hành vi của các bị cáo không những xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác, được pháp luật công nhận và bảo vệ, mà còn gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an xã hội tại địa phương. Do vậy HĐXX thấy phải xử phạt bị cáo một mức án tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo không cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội cũng đủ để giáo dục riêng bị cáo và phòng ngừa chung.

Tuy nhiên, xét trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo đã thành khẩn khai báo, tự giác khai nhận toàn bộ những hành vi phạm tội của mình, bị cáo đã biết ăn năn hối cải, tại phiên tòa bị cáo đã thấy được lần phạm tội này là bài học cho bản thân, hứa sẽ tu chí làm ăn, và cố gắng trở thành công dân tốt cho xã hội, bị cáo đã trả lại số tiền 61.000.000đ cho người bị hại, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo, hành vi phạm tội của bị cáo một phần cũng do lỗi của người bị hại, bà Nội của bị cáo được tặng thưởng Huân chương kháng chiến hạng 3 và ông Nội Chú của bị cáo là Liệt sỹ. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại các điểm b, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự. Vì bị cáo có các tình tiết giảm

nhẹ ở Điều 46 nên bị cáo được HĐXX áp dụng Điều 47 để giảm hình phạt cho bị cáo khi lượng hình.

Về xử lý vật chứng gồm: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự

- Đối với 02 (Hai) đĩa CD màu trắng, nhón hiệu Melody và 01 mẫu giấy có chữ viết tay với nội dung: “ ngày 11.02.2017, địa điểm 19 Chu Văn An thời gian 08 giờ” đang lưu trữ tại hồ sơ vụ án.

- Tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại Iphone màu đen, số Imei 359306064703273 gắn sim số 01699289898 và 01 điện thoại Nokia 1280, vỏ nhựa không màu, số Imei 351672055822747 gắn sim số 0934777897. Vật chứng này hiện nay cơ quan Thi hành án dân sự quận Hải Châu đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/8/2017.

Về trách nhiệm dân sự:

Bị hại là chị Dương Thị Bích H đã nhận lại số tiền là 61.000.000đ và không có yêu cầu gì khác nên HĐXX không đề cập giải quyết.

Trong vụ án này Võ Quốc Hg, Nguyễn Đình Tr và Nguyễn Đức Ng không có hành vi đồng phạm cùng Nguyễn Đình T cưỡng đoạt tiền của chị Dương Thị Bích H. Do đó Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an quận Hải Châu không đề cập xử lý là có cơ sở.

Đối với xe mô tô hiệu Yamaha mio classico màu trắng BKS 43C1 – 208.25 Nguyễn Đình T mượn của chị Đặng Thị Kim L, khi mượn xe T nói với chị L đi công việc, chị L không biết hành vi phạm tội của Nguyễn Đình T. Do đó Cơ quan cảnh sát Điều tra Công an quận Hải Châu đã trả lại cho chị L là có cơ sở.

Án phí hình sự sơ thẩm các bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Tuyên bố: Bị cáo Nguyễn Đình T phạm tội “ Cưỡng đoạt tài sản”.

1. Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 135, điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46, Điều 47, Điều 60 Bộ luật hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Đình T 18(Mười tám) tháng tự nhưng cho hưởng án treo về tội “ Cưỡng đoạt tài sản”. Thời gian thử thách là 36 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm 22/8/2017.

Tuyên giao bị cáo Nguyễn Đình T cho Ủy ban nhân dân phường K, quận N, thành phố Đà Nẵng giám sát và giáo dục trong thời gian thử thách.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 41 Bộ luật hình sự và Điều 76 Bộ luật tố tụng hình sự

- Đối với 02 (Hai) đĩa CD màu trắng, nhãn hiệu Melody và 01 mẫu giấy có chữ viết tay với nội dung: “ ngày 11.02.2017, địa điểm 19 Chu Văn An thời gian 08 giờ” đang lưu trữ tại hồ sơ vụ án.

Tuyên tịch thu sung công quỹ nhà nước 01 điện thoại Iphone màu đen, số Imei 359306064703273 gắn sim số 01699289898 và 01 điện thoại Nokia 1280, vỏ nhựa không màu, số Imei 351672055822747 gắn sim số 0934777897. Vật chứng này hiện nay cơ quan Thi hành án dân sự quận Hải Châu đang tạm giữ theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 02/8/2017.

2. Án phí hình sự sơ thẩm: Bị cáo Nguyễn Đình T phải chịu là 200.000đ.

Án xử công khai sơ thẩm bị cáo có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày niêm yết hoặc nhận được trích sao bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

(Đã giải thích chế định án treo)

Nơi nhận:

- VKSND quận Hải Châu;
- Công an quận Hải Châu;
- Chi cục THADS quận Hải Châu
- Những người tham gia tố tụng
- Lưu hồ sơ vụ án

TM. Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Đã ký

Lê Thị Thu Ba